| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY NAM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **84/**2023/HN-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973;

Hộ khẩu thường trù: số nhà 309 ấp A, xã P, huyện Mỏ Cày Nam,tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: 107D2 khu phố B, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Ssinh năm 1967;

Địa chỉ: số 309 ấp A, xã P, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng bà do quen biết, tìm hiểu và tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đám cưới vào năm 1993 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành

phố Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống tại nhà ông S, ấp An Hòa, xã Phước Hiệp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập bà rất nhiều lần, đánh trước mặt các con, có lần đánh bà chảy máu mũi. Bà không có trình báo với chính quyền địa phương về việc ông S đánh bà. Bà có khuyên ông S nhiều lần nhưng ông không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, hiện nay bà đang sống tại nhà mẹ ruột tại thành phố Bến Tre, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung: Phan Văn Thanh B, sinh ngày 13/12/1995; Phan Trung K, sinh ngày 14/10/2000; Phan Trọng H, sinh ngày 01/11/2008. Phan Văn Thanh B, Phan Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Phan Trọng H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Do ông Phan Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Ông Phan Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H.

Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung: Phan Văn Thanh B, sinh ngày 13/12/1995; Phan Trung K, sinh ngày 14/10/2000; Phan Trọng H, sinh ngày 01/11/2008. Phan Văn Thanh B, Phan Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Phan Trọng H, thấy rằng tại biên bản lấy ý kiến con chung, cháu Huy có nguyện vọng sống với mẹ, tại biên bản xác minh của Tòa án thể hiện sức khỏe ông S không tốt, kinh tế gia đình khó khăn, ông S cũng không có ý kiến về con chung, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của của bà H.

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phan Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phan Văn S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Bến Tre đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông S. Bà cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập bà rất nhiều lần. Bà có khuyên ông S nhiều lần nhưng ông không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ hàn gắn tình cảm với nhau.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi ông S sinh sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng, hiện nay bà H đã rời khỏi nhà không còn sống chung với ông S.

Khi tiến hành xác minh với anh Phan Trung K là con của ông S, bà H thì anh cung cấp thông tin: Hiện nay anh đang sống cùng ông S tại nhà, sức khỏe ông S ổn định, ăn uống sinh hoạt bình thường. Trong thời gian chung sống anh có thấy cha, mẹ tranh cãi với nhau do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, sau này khi ông S bị bệnh thì tranh cãi về vấn đề kinh tế, tiền bạc.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông S là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau về việc ông S thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về có lớn tiếng cự cãi, đập phá đồ đạc trong nhà, có hành vi bạo hành với bà H nhiều lần, bà H đã khuyên ông S nhưng ông không thay làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập ông S nhiều lần đến Tòa để hòa giải với bà H. Tuy nhiên, ông S không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh ông S cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông S là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: có 03 con chung: Phan Văn Thanh B, sinh ngày 13/12/1995; Phan Trung K, sinh ngày 14/10/2000; Phan Trọng H, sinh ngày 01/11/2008.

Phan Văn Thanh B, Phan Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi cháu Phan Trọng H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, tại biên bản lấy ý kiến con chung cháu Huy trình bày có nguyện vọng sống với mẹ. Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2023 của Tòa án thể hiện, hiện nay sức khỏe của ông S không tốt, điều kiện kinh tế khó khăn. Đồng thời ông S cũng không có ý kiến về con chung, do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định và sự phát triển bình thường của con chung nên giao cháu Huy cho con bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H.

Cụ thể tuyên:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Phan Văn S.

2. Về con chung: có 03 con chung: Phan Văn Thanh B, sinh ngày 13/12/1995; Phan Trung K, sinh ngày 14/10/2000; Phan Trọng H, sinh ngày 01/11/2008.

Phan Văn Thanh B, Phan Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem  xét, giải quyết.

Khi ly hôn giao con chung Phan Trọng H, sinh ngày 01/11/2008 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Phan Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Phan Văn S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Phan Văn S không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004720 ngày 13 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án (đối với đương sự có mặt tại phiên tòa) hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

**Nguyễn Thị Ngọc Yến**